

TRUNG ĐÔNG CỔ ĐẠI: CHIẾN TRANH BA TƯ-HI LẠP

Cao Văn Liên*

Trong lịch sử thế giới cổ đại, khu vực Trung Đông, bờ phía nam Địa Trung Hải và khu vực Nam Âu bờ phía bắc Địa Trung Hải đã diễn ra nhiều cuộc đụng độ lớn, đó là những cuộc chiến tranh ác liệt lâu dài để tranh nhau quyền bá chủ ở hai khu vực, như cuộc chiến tranh Hi Lạp-Ba Tư, cuộc chiến tranh La Mã-Carthage¹. Cuộc chiến tranh Hi Lạp -Ba tư kéo dài nhiều thập kỷ, từ thế kỷ V trước công nguyên (TCN) đến thế kỷ IV TCN là một trong những cuộc chiến tranh khốc liệt. Cuộc chiến tranh này do đế quốc Ba Tư phát động để bành trướng lãnh thổ, xâm lược Hi Lạp và bán đảo Ban Căng. Nghiên cứu chiến tranh Hi Lạp-Ba Tư có ý nghĩa to lớn: nó chỉ ra một đế quốc rộng lớn khi tiến hành chiến tranh xâm lược một nước nhỏ bé không phải bao giờ cũng chiến thắng. Ngược lại một quốc gia nhỏ bé nhưng kiên quyết chiến đấu bảo vệ tự do, độc lập, bảo vệ tổ quốc thì vẫn

có thể đánh bại kẻ thù xâm lược khổng lồ. Nghiên cứu chiến tranh Hi Lạp-Ba Tư còn làm sáng tỏ lịch sử quan hệ quốc tế giữa các quốc gia ven hai bờ Địa Trung Hải, làm sáng tỏ thêm lịch sử Trung-Cận Đông, lịch sử Hi Lạp thời kỳ cổ đại, học hỏi được nhiều bài học quý giá từ thiên anh hùng ca chiến thắng của người Hi Lạp.

I. ĐẾ QUỐC BA TƯ VÀ CÁC THÀNH BANG HI LẠP

1. Đế quốc Ba Tư

Khoảng 3000 năm TCN những bộ tộc người thuộc ngữ hệ Ấn-Âu Aryan còn trong tình trạng công xã thị tộc nguyên thủy sinh sống ở phía Bắc biển Caspia và biển Ural. Những tộc người Iran là những cư dân du mục chăn nuôi gia súc nay đây mai đó. Khoảng 2000 năm TCN một bộ phận người Aryan di cư về phương Nam, đến Ấn Độ, Iran và trở thành cư dân của hai quốc gia này. Trong số các tộc người di cư mạnh hơn cả là tộc người Medes và người Ba tư. Thế kỷ VII và thế kỷ VI TCN công xã thị tộc của

* Phó giáo sư, Tiến sĩ,
Học viện Báo chí Tuyên truyền

người Medes tan rã, tộc người này bước vào xã hội có chế độ tư hữu, có giai cấp và có nhà nước. Năm 612 TCN, người Medes đã thành lập một vương quốc ở phía đông sông Tigris, lãnh thổ bao trùm toàn bộ cao nguyên Iran chạy dài đến Armenia ở phía Bắc. Vương quốc Medes tồn tại đến thế kỷ VI TCN thì bị đế quốc Ba Tư thôn tính.

Trong khi vương quốc của người Medes đang tồn tại thì thế kỷ VI TCN, một tộc người Iran khác là người Ba Tư đã lập nên vương quốc Ba Tư. Vương quốc Ba Tư trở nên hùng mạnh dưới triều vua Cyrus II. Năm 550 TCN, Cyrus II thôn tính và sáp nhập vương quốc Medes vào Ba Tư, Vương quốc Medes diệt vong. Nhà nước Ba Tư bắt đầu những cuộc chiến tranh xâm lược bành trướng, phát triển thành đế quốc Ba Tư. Năm 546 TCN, vua Cyrus II chiếm Lydia ở Tiểu Á, đánh chiếm các thành bang Hi Lạp trên biển Địa Trung Hải, chiếm Syria. Năm 538 TCN, Ba Tư chiếm vương quốc Babylon-Lưỡng Hà. Đến những năm 30 của thế kỷ VII TCN, Ba Tư đã làm chủ toàn bộ miền Tây Á. Năm 525 TCN, con của Cyrus II là Cambyses II kế vị ngay vàng tiếp tục đường lối chiến tranh xâm lược. Ba Tư chiếm Ai Cập. Đến thời vua Darius I (521-486 TCN) đế quốc cổ đại Ba Tư phát triển cực thịnh, lãnh thổ phía đông đến sông Ấn (Ấn Độ), phía tây đến bờ biển Egee, Tiểu Á, phía bắc đến Ural, Caspia, Hắc Hải, phía nam đến vịnh Ba Tư và Ai Cập. Kinh đô của đế quốc là Susa, Đông Đô là Perspolis. Darius I chăm lo phát triển mở mang đường sá giao thông từ thủ đô đi các địa phương thuận tiện cho việc cai trị và vận chuyển thuế má, vận chuyển quân đội thực hiện nhiệm vụ quân

sự. Đế quốc Ba Tư chăm lo xây dựng và phát triển quân đội làm công cụ bành trướng và nô dịch các dân tộc bị xâm lược. Quân đội của đế quốc Ba Tư bao gồm bộ binh, kỵ binh và hải quân, trong đó kỵ binh là lực lượng tinh nhuệ, thiện chiến bởi cuộc sống chăn nuôi du mục trước kia tạo cho người lính tài cưỡi ngựa bắn cung và sức lực khoẻ, dẻo dai.

Như vậy vào thế kỷ V TCN, lãnh thổ của đế quốc Ba Tư đã tiếp giáp các thành bang Hi Lạp nhỏ bé nhưng là những quốc gia thương mại giàu có. Tham vọng mở rộng lãnh thổ đã khiến các vua Ba Tư xua những đội quân đông đúc xâm lược Hi Lạp và chiến tranh Hi Lạp – Ba Tư đã bùng nổ.

2. Các thành bang Hi Lạp

Trong khi đế quốc Ba Tư đang ngày càng phát triển thì bên bờ Bắc Địa Trung Hải, công xã thị tộc của những cư dân Hi Lạp cũng đang trên đường tan rã, xã hội xuất hiện chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước. Trên đất Hi Lạp cổ đại xuất hiện những nhà nước thành bang mà lớn nhất là thành bang Athen và Sparta vào thế kỷ VI TCN. Đây là những thành bang phát triển kinh tế nhiều thành phần và vận hành theo cơ chế hàng hoá thị trường. Với vị trí địa lý thuận lợi là bán đảo vươn mình trên Địa Trung Hải, Hi Lạp có thể buôn bán với các quốc gia phương Đông, có thể buôn bán với Bắc Âu, Tây Âu. Tiêu biểu nhất là thành bang Athens. Athens có một nền kinh tế công thương nghiệp thịnh vượng. Người Athens chủ yếu sản xuất hàng hoá cung cấp cho thị trường thế giới. Trong nông nghiệp họ sản xuất nho và ôlưu làm nguyên liệu chế tạo

rượu vang và dầu thực vật. Các ngành thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ và đa dạng: luyện kim, chế tạo vũ khí, đồ trang sức, đồ da, đồ gỗ, đồ gốm, sành, sứ, nhạc cụ, may mặc, dệt vải... Hoạt động ngoại thương của Athens vô cùng phát triển. Athens là trung tâm mậu dịch, đầu mối buôn bán của thế giới cổ đại, còn là trung tâm của ngân hàng, cho vay lãi. Đồng tiền của Athens có giá trị sử dụng trong và ngoài nước.

Xã hội Athens phân hoá thành ba giai cấp chính. Chủ nô là giai cấp thống trị, áp bức, bóc lột vì họ nắm tư liệu sản xuất. Giai cấp thứ hai là những người bình dân bao gồm nông dân và thợ thủ công. Họ là những người cùng huyết thống với chủ nô cho nên sau cải cách của Solon (569-591 TCN) họ không bị biến thành nô lệ, họ cũng không phải là lực lượng chính sản xuất ra của cải vật chất. Bình dân chỉ nộp thuế cho nhà nước và họ có quyền về chính trị khi trở thành công dân Athens, được tham gia vào Đại hội công dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước. Giai cấp thứ ba là nô lệ, nguồn là những tù binh, những nô lệ được buôn bán từ nước ngoài vào, những con cái của nô lệ sinh ra. Nô lệ Athens cũng như nô lệ trên toàn thế giới, phương Đông cũng như phương Tây theo qui định pháp luật của các nhà nước chủ nô thì họ không phải là con người. Nô lệ chỉ là tài sản biết nói của chủ nô. Vì thế chủ nô có thể giết, bán hoặc làm bị thương nô lệ mà không có tội. Khác với phương Đông nông dân là lực lượng chính sản xuất ra của cải vật chất, thì ở Hi Lạp nói chung và Athens nói riêng nô lệ là lực lượng sản xuất chính. Karl Marx đánh giá chế độ nô lệ phương Tây là chế độ nô lệ điển hình.

Do nhiều thành phần kinh tế nên trong giai cấp chủ nô Athens có hai tầng lớp: Quý tộc thị tộc (những quan chức thời kỳ nguyên thủy) và quý tộc công thương (quý tộc mới). Ban đầu chính quyền nằm trong tay bọn quý tộc thị tộc do Hội đồng Trưởng lão và 9 viên quan chấp chính nắm quyền. Những chủ nô công thương, những người bình dân không được tham gia chính quyền, bị cướp đoạt ruộng đất và có nguy cơ bị biến thành nô lệ. Ruộng đất phần lớn nằm trong tay bọn quý tộc thị tộc. Chủ nô công thương và bình dân liên minh với nhau đấu tranh chống bọn quý tộc thị tộc. Cylon người của quý tộc công thương đã làm cuộc chính biến nhưng thất bại. Sau đó quý tộc công thương và bình dân thắng thế, người của họ liên tục được bầu làm quan chấp chính. Các quan chấp chính như Solon (569-591 TCN), Cleisthenes, Pericles đã tiến hành một loạt các cuộc cải cách nhằm dân chủ hoá nhà nước Athens, hạn chế quyền lực chính trị và kinh tế của bọn quý tộc thị tộc, tăng quyền lực kinh tế và chính trị cho chủ nô công thương và bình dân. Cải cách còn tạo ra bộ máy quyền lực nhà nước cộng hoà dân chủ chủ nô. Cuối cùng, chủ nô công thương và bình dân hoàn toàn chiến thắng quý tộc thị tộc và thiết lập được nhà nước cộng hoà dân chủ, một kiểu nhà nước dân chủ nhất thời kỳ cổ đại. Ở thành bang Sparta, chủ nô nông nghiệp chiếm ưu thế nên chỉ thiết lập được hình thức nhà nước cộng hoà quý tộc chủ nô, hạn chế dân chủ so với nhà nước Athens. Như vậy, về mặt chính trị, các thành bang Hi Lạp đã thành lập và tồn tại hai thiết chế: cộng hoà dân chủ và cộng hoà quý tộc chủ nô.

3. So sánh Ba Tư và Hi Lạp

Chiến tranh là một thử thách khốc liệt và toàn diện đối với một quốc gia, chiến tranh không phải là một trò chơi, chiến tranh quyết định tồn vong của cả một dân tộc. Chiến tranh có qui luật của nó, một trong những qui luật đó là mạnh được yếu thua. Sức mạnh ở đây không chỉ là số lượng, chất lượng, kỹ chiến thuật, trang thiết bị cho quân đội mà còn nhiều yếu tố khác như chính trị, yếu tố chính nghĩa hay phi nghĩa của cuộc chiến tranh, yếu tố kinh tế, tinh thần của nhân dân và quân đội hai bên tham chiến. Tất cả các yếu tố chính trị, kinh tế, quân sự chỉ là khả năng đem lại chiến thắng. Khả năng có thể biến thành hiện thực, có thể không biến thành hiện thực chiến thắng trên chiến trường. Khả năng có thể biến thành chiến thắng trên chiến trường hay không còn là do sự lãnh đạo và tài năng của các tướng lĩnh. Tất cả những yếu tố đó sẽ lý giải vì sao khi bước vào chiến tranh lực lượng Ba Tư rất to lớn so với Athens- Hi Lạp, nhưng Ba Tư đã bị người Hi Lạp đánh bại hoàn toàn.

II. DIỄN BIẾN CHIẾN TRANH

1. Trận Marathon

Năm 490 TCN, vua Ba Tư Dariut I (521-486 TCN) điều động một lực lượng to lớn gồm 600 chiến thuyền và 10 vạn quân do các tướng Datis và Artaphernes chỉ huy tiến công Hi Lạp. Một đạo quân bộ của Ba Tư đổ bộ vào Marathon thuộc đồng bằng Attic nhằm lôi kéo quân Hi Lạp ra khỏi Athens để hải quân Ba Tư đánh chiếm thủ đô này.

Quan chấp chính của nhà nước Athens khi đó là Callimachus đã để một lực lượng bảo vệ Athens, điều một vạn quân của Athens và 1000 quân của thành bang Plataea (một

thành bang giáp đồng bằng Attic, đồng minh Athens) đến Marathon. Để huy động toàn dân vào cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc, nhà nước Athens ra sắc lệnh nô lệ nào tham gia chiến đấu chống Ba Tư sẽ được tự do. Theo số liệu của F. Engels ở Athens có khoảng 5 vạn nô lệ, đông hơn cả binh dân. Chính sách này của nhà nước Athens đã động viên nô lệ tham gia chiến đấu, bổ sung được một lực lượng không nhỏ vào quân đội. Quân đội Athens được tổ chức, huấn luyện chu đáo, vũ khí tốt, có tinh thần chiến đấu vì họ chiến đấu để bảo vệ tổ quốc và tự do. Miltiades một tướng lĩnh của Athens đã động viên nhân dân và quân đội: “Người Athens sẽ tự trông lên người cái ách nô lệ hay mãi mãi giữ được quyền tự do của mình. Mấu chốt chính là ở bản thân họ”². Đại hội công dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước Athens họp quyết định kháng chiến. Sau đó Hội đồng 10 viên tư lệnh Athens (Hội đồng quân sự của nhà nước) dưới sự chủ tọa của Quan chấp chính Allimacchus khẳng định lại quyết tâm chống xâm lược. Vấn đề quân sự được đặt ra là giao chiến với quân Ba Tư ở Marathon hay là lui về giữ các ngọn đồi ngăn chặn quân Ba Tư tiến đánh thủ đô Athens và chờ quân của thành bang Sparta cứu viện. Một phái trong Hội đồng cho rằng không nên giao chiến ở Marathon vì lực lượng Athens quá ít, quân Ba Tư đông gấp bội, lại có kỵ binh mạnh, quân Athens thất bại là điều khó tránh khỏi. Một phái khác trong đó có vị tướng tài ba, mưu lược của Athens là Miltiades (540-489 TCN) chủ trương giao chiến ở Marathon. Phái này cho rằng quân Ba Tư dù đông nhưng giao chiến ở cánh đồng lầy Marathon

ky binh Ba Tư sẽ bị hạn chế không phát huy được sức mạnh. Bộ binh Ba Tư đông nhưng là người của nhiều dân tộc bị áp bức, căm thù đế quốc Ba Tư, chiến đấu không có mục đích, không được huấn luyện chu đáo, chỉ trang bị vũ khí ngắn và cung tên. Trong khi đó quân đội Athens ít nhưng tinh thần chiến đấu cao, có kỷ luật, được rèn luyện kỹ, trang bị tốt hơn như kích và dáo dài. Cuối cùng ý kiến của phái quyết chiến trên cánh đồng Marathon được Hội đồng 10 tướng lĩnh thông qua. Marathon được chọn làm nơi quyết chiến.

Marathon là cánh đồng lầy, mùa thu đang mưa nên ngập nước. Callimachus sắp xếp 11000 quân Athen theo phương trận (xếp quân thành khối dày đặc) thành 3 cánh quân: Cánh chính diện, đội hình kéo dài 1kilômét bằng chiều rộng của cánh đồng, hai cánh hai bên phải và trái có 8 hàng quân yểm trợ cho chính diện và sẵn sàng khép vòng vây bao vây quân Ba Tư để tiêu diệt. Quân Ba Tư đông gấp đôi quân Athens gồm 1 vạn bộ binh, 1 vạn kỵ binh cũng dàn thành phương trận, chính giữa là bộ binh, hai cánh hai bên là kỵ binh. Kèn xung trận vang lên khắp cánh đồng Marathon, quân hai bên nhanh chóng lao vào nhau chém giết. Ban đầu quân Athens núng thế, cánh quân giữa bị quân Ba Tư chọc thủng nhưng quân Ba Tư nhanh chóng bị ba cánh quân Athens vây bọc, kỵ binh bị đầm lầy không phát huy được tác dụng, bị chia cắt, rối loạn và bị tiêu diệt. Số còn lại bỏ chạy về phía bờ biển. Quân Athens truy kích. Quân Ba Tư dù còn 8 vạn và 600 chiến thuyền mà khiếp sợ tan vỡ, lên thuyền tháo chạy. Kết quả trận Marathon

theo sử gia Hi Lạp cổ đại Herodotus, quân Ba Tư bị chết 6400 lính, bị mất 7 chiến thuyền, quân Athens hi sinh 192 người, trong đó có vị tướng tài ba, Chấp chính quan Callimachus. Một người lính đã chạy một mạch từ Marathon về Athens quãng đường dài hơn 42 kilômét báo tin thắng trận. Về đến quảng trường Athens anh chỉ kịp kêu lên “quân ta đã chiến thắng” và ngã lăn ra chết. Để tưởng nhớ người chiến binh Marathon và trận chiến thắng vẻ vang này, người Hi Lạp trong lễ hội bốn năm tổ chức một lần ở Olympic đã đưa thêm môn thi điền kinh chạy Marathon dài hơn 42 kilômét. Ngày nay trong các thể vận hội Olympic thế giới người ta vẫn giữ môn chạy Marathon lịch sử này.

Chiến thắng Marathon của người Hi Lạp tuy chưa dè bẹp được ý chí xâm lược của đế quốc Ba Tư nhưng đã chứng minh được đất nước Hi Lạp bé nhỏ có thể chiến thắng một đế quốc to lớn với một binh lực gấp 8 lần. Chiến thắng đã củng cố niềm tin vào thắng lợi tất yếu của người Hi Lạp trong cuộc kháng chiến chống xâm lược sau này. Chiến thắng của người Athens đã truyền niềm tin cho tất cả các thành bang để sau này hình thành nên một Liên minh chống xâm lược trên toàn đất Hi Lạp.

2. Trận Thermopyles

Sau thất bại ở Marathon, Darius I chết, con là Xerces nối ngôi. Xerces chuẩn bị 10 năm trời tấn công Hi Lạp xâm lược và phục thù. Về phía Athens cũng đã chuẩn bị kháng chiến. Biết chỗ mạnh của Athens là hải quân cho nên Quan chấp chính Themistocle đã

vận động đại hội công dân Athens thông qua một khoản tiền lớn để xây dựng hải quân, đóng mới 200 chiến thuyền, xây dựng hải cảng Peris thành quân cảng tốt nhất. Từ đây Athens có hải quân mạnh nhất Hi Lạp. Athens còn lôi cuốn toàn bộ Hi Lạp vào cuộc kháng chiến. Toàn Hi Lạp đã kết thành một đồng minh chiến đấu gồm 30 thành bang đặt dưới quyền tổng chỉ huy của thành bang Sparta, một thành bang hùng mạnh về quân sự, điều mà trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất chưa làm được. Athens cũng đã xây dựng lực lượng bộ binh mạnh mẽ. Theo sử gia cổ đại Hi Lạp Thucydides “Themistocle là người có khả năng thấy trước được kết quả tốt hay xấu của sự việc, cái kết quả mà còn ẩn mình trong bóng tối của tương lai”³.

Mùa xuân năm 481 TCN Xerces thân chinh chỉ huy một lực lượng lớn chưa từng thấy gồm 1.700.000 bộ binh, 1027 chiến thuyền tấn công xâm lược Hi Lạp lần thứ hai. Quân thủy bộ Ba Tư tấn công vào phía Bắc Hi Lạp. Bộ binh đi dọc theo bờ biển Toraxơ, còn hải quân tiến sát theo bờ biển để yểm trợ cho bộ binh và phối hợp tác chiến. Quân Ba Tư đã chiếm miền Bắc Hi Lạp.

Các thành bang Hi Lạp điều động quân đội chống Ba Tư xâm lược. Từ miền Bắc muốn tiến xuống miền Trung và miền Nam Hi Lạp quân Ba Tư phải qua đèo Thermopyles, một cửa ngõ hiểm yếu thông xuống miền Trung. Tại đây 800 quân tinh nhuệ Sparta và 4000 quân của các thành bang do vua Sparta Leonidas chỉ huy đã dũng cảm đánh lui nhiều đợt tấn công dữ dội của quân Ba Tư. Sau hai ngày mà không công phá được đèo Thermopyles, quân Ba

Tư phải nhờ một tên phản bội Hi Lạp dẫn đường đi vòng qua núi đánh vào sau lưng quân Hi Lạp. Tình thế vô cùng nguy ngập, Leonidas ra lệnh cho hầu hết binh sĩ rút ra khỏi phòng tuyến, lui về đánh địch ở phía sau, chỉ để lại 300 quân tiếp tục chiến đấu bảo vệ Thermopyles. Leonidas đã hi sinh cùng 300 dũng sĩ. Herodotus (484-425 TCN) đã viết “Họ đã ra sức bảo vệ bằng kiếm khi họ còn kiếm, hơn nữa họ dùng cả tay và chân khi họ chưa bị ngã gục dưới mũi tên”⁴. Ngày nay qua đèo Thermopyles, trên một tấm bia đá người ta đọc thấy câu: “Hỡi người đi qua đường! nếu người có về Sparta thì xin nhớ nhắn lại cho cha mẹ vợ con bạn bè thân thích của chúng tôi rằng chúng tôi đã tuân theo lời thề căn dặn của người thân lúc ra đi, đã xả thân trên chiến trường để bảo vệ tổ quốc yêu quý”⁵.

3. Trận Salamis

Năm 480 TCN, quân Ba Tư lại sang xâm lược Hi Lạp lần thứ 3. Hải quân Ba Tư gồm 1200 chiến thuyền do Xerces chỉ huy hành quân dọc bờ biển Thessali tiến xuống vùng biển quần đảo Eubee để giáp trận với những chiến thuyền Athens. Nhưng một trận gió lốc nổi lên làm chìm 400 chiến thuyền, hạm thuyền Ba Tư chỉ còn lại 800 chiếc. Bộ binh Ba Tư tràn vào miền Bắc Hi Lạp. Sau khi chọc thủng phòng tuyến Thermopyles, quân Ba Tư tràn xuống miền Trung và miền Nam, đốt phá thành phố, nhà cửa, đền thờ và giết sạch những người dân còn lại trong thành phố. Thành phố Athens bị tàn phá nặng nề. Cũng may mà trước đó quan chấp chính Athens Themistocle đã cho cư dân bao gồm người già phụ nữ, trẻ em sơ tán sang

Peloponnesus, đảo Salamis, còn tất cả trai tráng đã ra mặt trận. Mặt miền Bắc, miền Trung và miền Nam, quân Hi Lạp lui về cố thủ ở phòng tuyến cuối cùng Corinth để bảo vệ bán đảo Peloponnesus, hải quân thì lui về vịnh Salamis.

Hải quân Ba Tư do vua Xerces chỉ huy tiếp tục tiến về vịnh Salamis nhằm tiêu diệt hải quân Hi Lạp do quan chấp chính Athens Themistocle chỉ huy. Trong đêm tối hải quân Ba Tư lọt vào trận địa mai phục của hải quân Hi Lạp. Một cuộc hải chiến lớn đã diễn ra tại vịnh Salamis. Hạm đội Athens với những chiến thuyền nhẹ nhàng đã tiến công dữ dội vào những chiến thuyền công kênh nặng nề của Ba Tư vận động chậm chạp vì vịnh Salamis có địa hình hẹp. Thế trận của hải quân Ba Tư rối loạn và hạm đội bị tiêu diệt, một số chiến thuyền và đô đốc Ariabigne, em trai vua Xerces bị bắt. Sau trận Salamis dù còn hàng vạn bộ binh và nhiều chiến thuyền nhưng tinh thần quân xâm lược Ba Tư đã mất, mối lo sợ bị tiêu diệt làm hàng chục vạn quân rời rạc, không còn sức chiến đấu. Xerces phải ra lệnh cho quân đội rút về Tiểu Á. Liên quân các thành bang Hi Lạp lại thắng lớn ở trận Plataea. Tướng khét tiếng của đế chế Ba Tư Mardonius bị giết. Quân Ba Tư hoảng loạn tháo chạy, lục địa Hi Lạp được hoàn toàn giải phóng.

Năm 479 TCN hải quân Hi Lạp thừa thắng kéo sang Tiểu Á, tiêu diệt nhiều chiến thuyền của Ba Tư ở mũi Mycale. Các đảo Thasos, Lesbos, Camos, Chios được giải phóng đã gia nhập Đồng minh Hi Lạp. Đồng Minh Delos được mở rộng. Đồng minh tấn công Ba Tư ở vùng Henlexponxo để chặn

đường quân Ba Tư sang châu Âu. Các vùng được giải phóng ở Tiểu Á và ở các đảo tuyên bố thành lập các thành bang. Đồng minh lên tới 200 thành bang do Athens đứng đầu lấy Delos làm trung tâm. Đồng minh có quân đội riêng, có thu nhập hàng năm lên đến 460 talăng vàng, càng tăng cường sức chiến đấu chống Ba Tư xâm lược.

Những thất bại đã làm cho đế quốc Ba Tư kiệt quệ, không thể tiếp tục chiến tranh được nữa đành phải ký hoà ước thừa nhận quyền độc lập của các thành bang Hi Lạp. Giác mộng bành trướng xâm lược Nam Âu của các hoàng đế Ba Tư bị chôn vùi. Thất bại ở Hi Lạp để lại hậu quả vô cùng nghiêm trọng đối với đế quốc, nó mở đầu cho sự suy yếu của Ba Tư và nhanh chóng bị đế chế Macedonia của Alexander (356-323 TCN) tiêu diệt năm 330 TCN.

III. KẾT LUẬN

1. Ý nghĩa chiến thắng của Hi Lạp

Trong nhiều thập kỷ của thế kỷ V TCN đế quốc Ba Tư đã huy động những lực lượng to lớn với hàng triệu bộ binh, kỵ binh và hàng nghìn chiến thuyền để xâm lược những thành bang nhỏ bé Hi Lạp. Cả ba lần Ba Tư đã bị thất bại thảm hại. Thắng lợi của nhân dân Hi Lạp đã đập tan mưu đồ bành trướng của Ba Tư sang Nam Âu, bảo vệ chủ quyền độc lập dân tộc, bảo vệ được thiết chế chính trị dân chủ, quyền được làm người. Thắng lợi này đã bảo vệ được người dân Athens nói riêng và Hi Lạp nói chung khỏi thảm họa bị biến thành nô lệ. Chiến thắng đã làm cho Hi Lạp mở rộng con đường vươn lên đỉnh cao về chính trị, kinh tế, văn hoá. Hi Lạp đã bảo vệ

được nền văn hoá của mình và trở thành một trong những cái nôi của nền văn minh cổ đại. F. Engels (1820-1895) đã viết rằng sau chiến thắng vào thế kỷ V TCN Athens đạt đỉnh cao nhất của sự hưng thịnh về mọi mặt trong đó có nền văn minh. F. Engels cũng nói rằng không có nền văn minh Hi Lạp thì không có nền văn minh La Mã, không có nền văn minh Hi Lạp-La Mã thì không có nền văn minh châu Âu cận đại. Như vậy văn hoá Hi Lạp đặt nền tảng cho nền văn minh châu Âu. Với ý nghĩa đó chiến thắng của người Hi Lạp đã bảo vệ gốc rễ cho nền văn hoá châu Âu. Đó là thắng lợi của lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm hi sinh bảo vệ tổ quốc.

Đối với Ba Tư thất bại trong cuộc xâm lược Hi Lạp là mở đầu cho sự suy yếu của đế quốc và khởi đầu cho thất bại trong cuộc chiến tranh với Macedonia và bị Alexander đánh bại năm 330 TCN.

2. Nguyên nhân thất bại của Ba Tư

Ba Tư là một đế quốc rộng lớn, nhiều tiềm năng về kinh tế và sức người cho nên quân số đông, tướng lĩnh nhiều và nhiều kinh nghiệm xâm lược. Nhưng đế quốc Ba Tư với chế độ chính trị là nền quân chủ tập quyền chuyên chế, với một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, ách áp bức bóc lột đàn áp nặng nề tàn khốc đè lên vai các dân tộc bị xâm lược. Trong chế độ đó những dân tộc bại trận đều trở thành nô lệ, con em của họ trở thành binh lính. Cho nên quân Ba Tư đông số lượng nhưng kém về tinh thần, họ chiến đấu không vì quyền lợi của bản thân họ, không vì quyền lợi của dân tộc họ. Ngược lại, họ căm thù ngay chính đế quốc.

Đội quân đông đảo nhưng kém tinh thần, lại trang bị kém cho nên chỉ cần một thất bại là tan vỡ, mất hoàn toàn ý chí chiến đấu. Thất bại của đế quốc Ba Tư nằm ngay trong nền chính trị chuyên chế và trong cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa.

Tất cả những yếu tố trên chỉ là khả năng thất bại của đế quốc Ba Tư. Khả năng có thể không biến thành hiện thực. Cũng nên lưu ý rằng Ba Tư trước khi xâm lược Hi Lạp đã từng chiến thắng nhiều quốc gia và xây dựng nên một đế quốc không lồ thời kỳ cổ đại. Thất bại của Ba Tư phụ thuộc vào đối phương của họ là các thành bang Hi Lạp.

3. Nguyên nhân thắng lợi của Hi Lạp

Cùng là hình thái kinh tế xã hội nô lệ nhưng các thành bang Hi Lạp có một nền kinh tế công thương nghiệp phát triển. Kinh tế phồn vinh có khả năng mang lại cuộc sống no ấm cho nhân dân, cho quân đội, có điều kiện trang bị tốt cho quân đội. Quân đội Hi Lạp được trang bị tốt hơn quân đội Ba Tư. Chiến thuyền Hi Lạp nhẹ nhàng và chất lượng hơn chiến thuyền Ba Tư. Ở một đất nước bán đảo có truyền thống giỏi giang trên mặt biển cho nên trong xây dựng lực lượng các nhà lãnh đạo Athens đã chú trọng xây dựng lực lượng hải quân là ưu thế, là sở trường của người Hi Lạp. Một quân đội dù có tinh thần chiến đấu, dù cuộc chiến tranh đó là chính nghĩa nhưng không có nghĩa là quân đội đó tay không đánh nhau với địch mà vẫn chiến thắng. Chính nghĩa muốn chiến thắng vẫn phải có nhiều sức mạnh trong đó có sức mạnh vũ khí. Quân đội phải được trang bị những vũ khí bậc nhất mà thời đại đó cho phép.

Nếu như thiết chế chính trị Ba Tư là quân chủ tập quyền chuyên chế phản động lạc hậu, không có dân chủ cho nhân dân thì thiết chế chính trị Hi Lạp ngược lại là nền cộng hoà: cộng hoà quý tộc chủ nô Sparta, cộng hoà dân chủ chủ nô Athens, một thiết chế dân chủ nhất trong thời kỳ cổ đại. Ở thiết chế đó mọi công dân đều có quyền dân chủ (trừ nô lệ), quyền tham gia chính trị mà người nông dân Phương Đông không thể có được, người dân bại trận trong một đế quốc như Ba Tư càng không thể có được. Cho nên Người Hi Lạp đã chiến đấu để bảo vệ dân chủ, điều đó đã mang lại sức mạnh to lớn cho nhân dân và quân đội Hi Lạp.

Một trong những nguyên nhân thắng lợi của người Hi Lạp là các thành bang đã đoàn kết chiến đấu trong một đồng minh chặt chẽ. Càng chiến đấu, đồng minh càng được mở rộng và càng chiến thắng vì họ có chung một mục đích là phải chiến thắng quân thù để bảo vệ các thành bang, bảo vệ tổ quốc, nòi giống và tự do.

Cuộc chiến tranh chính nghĩa, quân đội trang bị tốt, có tinh thần chiến đấu cao, các thành bang đoàn kết trong một đồng minh chiến đấu vì lợi ích chung. Tất cả những yếu tố này chỉ là khả năng mang lại chiến thắng. Athens-Hi Lạp đã chiến thắng, vì có những chính khách, những tướng lĩnh tài năng biết biến khả năng thành hiện thực chiến thắng trên chiến trường. Cao nhất trong bộ máy nhà nước là các quan chấp chính (Athens), các vua (Sparta), đến các tướng lĩnh, các cơ quan quyền lực như Đại hội công dân, cơ

quan quân sự là Hội đồng 10 viên tư lệnh đến quân đội và nhân dân đều quyết tâm chiến đấu, không run sợ và hoang mang trước kẻ thù đông gấp 8 lần về số lượng bộ binh và nhiều lần về hải quân. Từ quyết tâm chiến đấu cho nên họ bình tĩnh ngay cả khi tình huống xấu nhất như trong cuộc kháng chiến lần hai. Những nhà lãnh đạo Athens-Hi Lạp đã biết chuẩn bị kháng chiến, biết rút lui chiến lược để bảo toàn lực lượng, biết mở những chiến dịch đúng vị trí phát huy thế mạnh của quân Hi Lạp, hạn chế ưu thế của quân thù như trận Marathon, trận Salamis, phát huy chiến thuật bao vây chia cắt, dụ quân địch vào thế bị bao vây mà tiêu diệt. Các quan chấp chính Athen, vua Sparta đã anh dũng chiến đấu và nhiều vị đã hi sinh trên chiến trường. Các quan chấp chính là những người tổ chức đồng minh và lãnh đạo đồng minh chiến đấu. Trong chiến tranh, để huy động lực lượng nhà nước Athens đã bỏ qua cả luật lệ cứng nhắc, tuyên bố giải phóng cho nô lệ nếu họ tham gia chiến đấu. Nhìn chung, các nhà lãnh đạo, các tướng lĩnh Athens đã biết chuẩn bị chiến tranh và tiến hành chiến tranh nghiêm túc với một nghệ thuật quân sự ở trình độ linh hoạt cao độ, kiên quyết chiến đấu, kiên quyết tấn công để chiến thắng quân thù.

Dù thời đại đã cách nhau hơn 2500 năm nhưng những nguyên nhân người Hi Lạp chiến thắng đế quốc Ba Tư vẫn là những bài học nóng hổi, nguyên giá trị cho một quốc gia nhỏ bé muốn chống lại sự xâm lược của một đế quốc hùng cường, đất rộng người đông.

Chú thích:

- ¹ Xem Tạp chí nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông. Số tháng 9-2009.
- ² Đại học Tổng hợp Hà Nội. Khoa lịch sử. Giáo trình lịch sử thế giới cổ đại. H. 1975. tr.269.
- ³ Đại học Tổng hợp Hà Nội-Khoa lịch sử. Giáo trình lịch sử cổ đại thế giới. H.1975. Tr. 270.
- ⁴ Sách đã dẫn trang 271.
- ⁵ Đặng Đức An Chủ biên. Những mẩu chuyện lịch sử thế giới. NXB Giáo Dục. H. 1999. Tr.113.

Tài liệu tham khảo

1. Các Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập. T1, T14. NXB Chính trị Quốc gia. H. 1993.
2. Đại học Tổng hợp Hà Nội-Khoa lịch sử: Giáo trình lịch sử thế giới cổ đại. H. 1975.
3. Đặng Đức An (Chủ biên). Những mẩu chuyện lịch sử thế giới. T1. NXB Giáo Dục. H. 1999.
4. Chiêm Tế. Lịch sử thế giới cổ đại. T1,2. NXB Giáo Dục. H. 1978.
5. Cao Văn Liên. Lịch sử 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Lao Động. H. 2007.
6. Bách khoa thư Lịch sử thế giới. NXB Văn hoá Thông tin. H. 2004.
7. Tạp chí nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông. Số 9-2009, số 12-2009.
8. AVDIEP V.I. Lịch sử Phương Đông cổ đại. M. 1970 (Tiếng Nga).
9. BONGA R.D-LEVIN G.M (Chủ biên). Các nền văn minh cổ đại. M. 1989 (Tiếng Nga).